

Số: 1681 /QĐ-NNH

Hà Nội, ngày 04 tháng 10 năm 2011

QUYẾT ĐỊNH

Về việc Công nhận danh hiệu thi đua năm học 2010 - 2011

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC NÔNG NGHIỆP HÀ NỘI

Căn cứ Quyết định số 283/QĐ-TTg ngày 14 tháng 3 năm 2008 của Thủ tướng Chính phủ về đổi tên Trường Đại học Nông nghiệp I thành Trường Đại học Nông nghiệp Hà Nội;

Căn cứ Luật Thi đua khen thưởng và Nghị định số 42/2010/NĐ-CP ngày 15/4/2010 của Chính phủ về việc Quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Thi đua, Khen thưởng và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thi đua, Khen thưởng;

Căn cứ Quyết định số 58/2010/QĐ-TTg ngày 22/9/2010 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành "Điều lệ trường đại học";

Căn cứ Thông tư liên tịch số 07/2009/TTLT-BGDĐT-BNV ngày 15/4/2009 của Bộ Giáo dục và Đào tạo - Bộ Nội vụ về việc Hướng dẫn thực hiện quyền tự chủ, tự chịu trách nhiệm về thực hiện nhiệm vụ, tổ chức bộ máy, biên chế đối với đơn vị sự nghiệp công lập giáo dục và đào tạo;

Căn cứ Quy chế về Quản lý nguồn thu và chi tiêu nội bộ ban hành kèm theo Quyết định số 680/QĐ-NNH ngày 10/5/2011 của Hiệu trưởng Trường Đại học Nông nghiệp Hà Nội;

Xét đề nghị của Hội đồng Thi đua - Khen thưởng Trường và theo đề nghị của Trường phòng Tổ chức cán bộ,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công nhận danh hiệu thi đua năm học 2010 - 2011 cho cán bộ, viên chức của Trường có tên trong danh sách kèm theo (Chiến sỹ thi đua cơ sở: 325 người; Lao động tiên tiến: 535 người).

Điều 2. Kèm theo danh hiệu, mỗi cán bộ, viên chức được thưởng mức tiền thưởng là 830.000 đồng/1 người đối với danh hiệu Chiến sỹ thi đua cơ sở; 250.000 đồng/1 người đối với danh hiệu Lao động tiên tiến, trích từ quỹ khen thưởng của Trường.

Tổng số tiền thưởng là 403.500.000 đồng

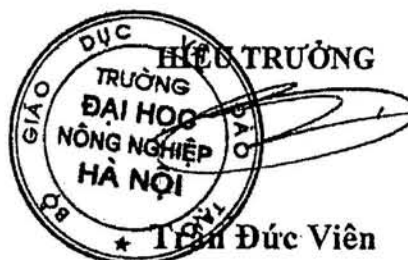
Bằng chữ: Bốn trăm linh ba triệu năm trăm nghìn đồng chẵn./.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 4. Các ông (bà) Trường phòng TCCB, HC-TH, Tài chính-Kế toán, Trưởng các đơn vị liên quan và các cán bộ, viên chức có tên trên chịu trách nhiệm thi hành Quyết định./.

Nơi nhận :

- Như Điều 4;
- Lưu VTHC, TC.



DANH SÁCH CÁN BỘ, VIÊN CHỨC
ĐẠT DANH HIỆU LAO ĐỘNG TIỀN TIẾN NĂM HỌC 2010 - 2011
(Kèm theo Quyết định số 1681 /QĐ-NNH ngày 04 tháng 10 năm 2011)

STT	Họ đệm	Tên	Mã	Đơn vị	Số tiền (đồng)	Ký nhận
1	Dương Văn	Sáng	1	Canh tác học	250,000	
2	Vũ Thị Châu	Thu	1	Canh tác học	250,000	
3	Thiều Thị Phong	Thu	1	Canh tác học	250,000	
4	Vũ Duy	Hoàng	1	Canh tác học	250,000	
5	Ngô Thị	Xuyên	1	Bệnh cây	250,000	
6	Nguyễn Đức	Huy	1	Bệnh cây	250,000	
7	Nguyễn Thị Lan	Hương	1	Bệnh cây	250,000	
8	Nguyễn Thị Thanh	Hồng	1	Bệnh cây	250,000	
9	Bùi Xuân	Sửu	1	Cây công nghiệp	250,000	
10	Lê Thị Hồng	Hạnh	1	Cây công nghiệp	250,000	
11	Đinh Thái	Hoàng	1	Cây công nghiệp	250,000	
12	Nguyễn Thị	Tức	1	Cây lương thực	250,000	
13	Ngô Thị	Nguyệt	1	Cây lương thực	250,000	
14	Nguyễn Việt	Long	1	Cây lương thực	250,000	
15	Dương Thị Thu	Hằng	1	Cây lương thực	250,000	
16	Nguyễn Văn	Lộc	1	Cây lương thực	250,000	
17	Phan Thị Hồng	Nhung	1	Cây lương thực	250,000	
18	Nguyễn Thị	Thúy	1	Côn trùng	250,000	
19	Nguyễn Minh	Mẫu	1	Côn trùng	250,000	
20	Lê Ngọc	Anh	1	Côn trùng	250,000	
21	Nguyễn Đức	Tùng	1	Côn trùng	250,000	
22	Nguyễn Đức	Khánh	1	Côn trùng	250,000	
23	Phạm Thị	Hiếu	1	Côn trùng	250,000	
24	Nguyễn Hồng	Hạnh	1	Hệ thống nông nghiệp	250,000	
25	Nguyễn Thị Ngọc	Dinh	1	Hệ thống nông nghiệp	250,000	
26	Lê Chí	Dân	1	Di truyền giống	250,000	
27	Ngô Thị Hồng	Tươi	1	Di truyền giống	250,000	
28	Nguyễn Văn	Cương	1	Di truyền giống	250,000	
29	Phạm Thị	Ngọc	1	Di truyền giống	250,000	
30	Lê Thị	Thắm	1	Rau - Hoa - Quả	250,000	

STT	Họ đệm	Tên	Mã	Đơn vị	Số tiền (đồng)	Ký nhận
31	Nông Thị Mai	Phương	1	Rau - Hoa - Quả	250,000	
32	Đoàn Văn	Lư	1	Rau - Hoa - Quả	250,000	
33	Vũ Thanh	Hải	1	Rau - Hoa - Quả	250,000	
34	Trịnh Thị Mai	Dung	1	Rau - Hoa - Quả	250,000	
35	Nguyễn Anh	Đức	1	Rau - Hoa - Quả	250,000	
36	Bùi Ngọc	Tấn	1	Rau - Hoa - Quả	250,000	
37	Nguyễn Thị Bạch	Yến	1	Sinh lý thực vật	250,000	
38	Nguyễn Minh	Tuấn	1	Sinh lý thực vật	250,000	
39	Nguyễn Văn	Phú	1	Sinh lý thực vật	250,000	
40	Hoàng Thị	Hiên	1	Thực vật	250,000	
41	Vũ Thị	Phan	1	Thực vật	250,000	
42	Đồng Huy	Giới	1	Thực vật	250,000	
43	Phạm Phú	Long	1	Thực vật	250,000	
44	Bùi Thị Thu	Hương	1	Thực vật	250,000	
45	Nguyễn Thị	Hòa	1	Thực vật	250,000	
46	Phí Thị Cẩm	Miền	1	Thực vật	250,000	
47	Đinh Thị	Vân	1	V.P-NH	250,000	
48	Nguyễn Thị Bích	Hạnh	1	V.P-NH	250,000	
49	Lê Văn	Sơn	1	V.P-NH	250,000	
50	Đào Văn	Dũng	1	V.P-NH	250,000	
51	Lê Đức	Hùng	1	V.P-NH	250,000	
52	Hoàng Ngọc	Hiếu	1	V.P-NH	250,000	
53	Trần Thanh	Hải	1	V.P-NH	250,000	
54	Nguyễn Văn	Kiên	1	TT NC PT Hoa và Cây cảnh	250,000	
55	Trần	Hiệp	2	Chăn nuôi chuyên khoa	250,000	
56	Hoàng	Thanh	2	Chăn nuôi chuyên khoa	250,000	
57	Mai Thị	Thơm	2	Chăn nuôi chuyên khoa	250,000	
58	Vũ Thị Thuý	Hằng	2	Chăn nuôi chuyên khoa	250,000	
59	Lê Thị Thu	Nhân	2	Chăn nuôi chuyên khoa	250,000	
60	Hán Quang	Hạnh	2	Chăn nuôi chuyên khoa	250,000	
61	Lê Hữu	Hiếu	2	Chăn nuôi chuyên khoa	250,000	
62	Nguyễn Thị Dương	Huyền	2	Chăn nuôi chuyên khoa	250,000	
63	Hoàng Anh	Tuấn	2	Chăn nuôi chuyên khoa	250,000	
64	Nguyễn Ngọc	Bằng	2	Chăn nuôi chuyên khoa	250,000	
65	Đỗ Đức	Lực	2	Di truyền Giống gia súc	250,000	

STT	Họ đệm	Tên	Mã	Đơn vị	Số tiền (đồng)	Ký nhận
66	Nguyễn Thị Châu	Giang	2	Di truyền Giống gia súc	250,000	
67	Nguyễn Hoàng	Thịnh	2	Di truyền Giống gia súc	250,000	
68	Hà Xuân	Bộ	2	Di truyền Giống gia súc	250,000	
69	Nguyễn Thị Vân	Trang	2	Sinh học động vật	250,000	
70	Dương Thu	Hương	2	Sinh học động vật	250,000	
71	Nguyễn Thị	Vinh	2	Sinh học động vật	250,000	
72	Đặng Thuý	Nhung	2	Dinh dưỡng và Thức ăn	250,000	
73	Bùi Văn	Định	2	Dinh dưỡng và Thức ăn	250,000	
74	Lê Việt	Phương	2	Dinh dưỡng và Thức ăn	250,000	
75	Kim Văn	Vạn	2	Nuôi trồng thủy sản	250,000	
76	Trần Thị Năng	Thu	2	Nuôi trồng thủy sản	250,000	
77	Nguyễn Ngọc	Tuấn	2	Nuôi trồng thủy sản	250,000	
78	Vũ Hồng	Châu	2	Nuôi trồng thủy sản	250,000	
79	Lê Thị Hoàng	Hằng	2	Nuôi trồng thủy sản	250,000	
80	Nguyễn Văn	Tuyển	2	Nuôi trồng thủy sản	250,000	
81	Trịnh Thị	Trang	2	Nuôi trồng thủy sản	250,000	
82	Nguyễn Thị	Hậu	2	Nuôi trồng thủy sản	250,000	
83	Cù Thị Thiên	Thu	2	Hoá sinh - Sinh lý động vật	250,000	
84	Nguyễn Thị Phương	Giang	2	Hoá sinh - Sinh lý động vật	250,000	
85	Đỗ Thị	Khuyên	2	Hoá sinh - Sinh lý động vật	250,000	
86	Bùi Huy	Doanh	2	Hoá sinh - Sinh lý động vật	250,000	
87	Đàm Thị	Dung	2	Hoá sinh - Sinh lý động vật	250,000	
88	Trần Danh	Mạnh	2	Trại Chăn nuôi	250,000	
89	Giang Hoàng	Hà	2	Trại Chăn nuôi	250,000	
90	Lê Văn	Muôn	2	Văn phòng	250,000	
91	Nguyễn Thị	Xuyên	2	Văn phòng	250,000	
92	Phạm Kim	Đặng	2	Phòng TN Trung tâm	250,000	
93	Vũ Thị	Ngân	2	Phòng TN Trung tâm	250,000	
94	Nhữ Ngọc	Hùng	2	Bảo vệ	250,000	
95	Nguyễn Bá	Chung	2	Bảo vệ	250,000	
96	Nguyễn Đức	Năng	2	Bảo vệ	250,000	
97	Bùi Văn	Sáng	2	Bảo vệ	250,000	
98	Đặng Văn	Chương	2	Bảo vệ	250,000	
99	Ngô Xuân	Bắc	3	Hoá học	250,000	
100	Nguyễn Thị Hồng	Linh	3	Hoá học	250,000	

STT	Họ đệm	Tên	Mã	Đơn vị	Số tiền (đồng)	Ký nhận
101	Nguyễn Văn	Thắng	3	Hoá học	250,000	
102	Phan Trung	Quý	3	Hoá học	250,000	
103	Phùng Thị	Vinh	3	Hoá học	250,000	
104	Võ Văn	Cầu	3	Hoá học	250,000	
105	Trần Thanh	Hải	3	Hoá học	250,000	
106	Nguyễn Ngọc	Kiên	3	Hoá học	250,000	
107	Đoàn Thị Thuý	ái	3	Hoá học	250,000	
108	Nguyễn Thị	Hiển	3	Hoá học	250,000	
109	Lê Thị Thu	Hương	3	Hóa học	250,000	
110	Vũ Thị	Huyền	3	Hóa học	250,000	
111	Luyện Hữu	Cử	3	Khoa học đất	250,000	
112	Trần Văn	Chính	3	Khoa học đất	250,000	
113	Trần Thị Lệ	Hà	3	Khoa học đất	250,000	
114	Nguyễn Thị	Luyện	3	Khoa học đất	250,000	
115	Nguyễn Văn	Trang	3	Khoa học đất	250,000	
116	Phan Quốc	Hưng	3	Khoa học đất	250,000	
117	Nguyễn Đức	Hùng	3	Khoa học đất	250,000	
118	Lê Thị Hồng	Xuân	3	Vi sinh vật	250,000	
119	Nguyễn Thị	Minh	3	Vi sinh vật	250,000	
120	Vũ Thị	Hoàn	3	Vi sinh vật	250,000	
121	Đinh Hồng	Duyên	3	Vi sinh vật	250,000	
122	Nguyễn Thế	Bình	3	Vi sinh vật	250,000	
123	Vũ Thị Xuân	Hương	3	Vi sinh vật	250,000	
124	Nguyễn Tú	Điệp	3	Vi sinh vật	250,000	
125	Nguyễn Tất	Tổ	3	Tài nguyên nước	250,000	
126	Ngô Thanh	Son	3	Tài nguyên nước	250,000	
127	Vũ Thị	Xuân	3	Tài nguyên nước	250,000	
128	Đỗ Thị Đức	Hạnh	3	Quản lý đất đai	250,000	
129	Phạm Bích	Tuấn	3	Quản lý đất đai	250,000	
130	Nguyễn Thị	Lịch	3	Quản lý đất đai	250,000	
131	Bùi Nguyên	Hạnh	3	Quản lý đất đai	250,000	
132	Phan Thị Thanh	Huyền	3	Quản lý đất đai	250,000	
133	Trần Quốc	Vinh	3	Trắc địa BĐ và Thông tin địa lý	250,000	
134	Nguyễn Đình	Công	3	Trắc địa BĐ và Thông tin địa lý	250,000	
135	Phạm Văn	Vân	3	Trắc địa BĐ và Thông tin địa lý	250,000	

STT	Họ đệm	Tên	Mã	Đơn vị	Số tiền (đồng)	Ký nhận
136	Trần Trọng	Phuong	3	Trắc địa BD và Thông tin địa lý	250,000	
137	Phan Văn	Khuê	3	Trắc địa BD và Thông tin địa lý	250,000	
138	Nguyễn Đình	Trung	3	Trắc địa BD và Thông tin địa lý	250,000	
139	Phan Thành	Nội	3	Trắc địa BD và Thông tin địa lý	250,000	
140	Nguyễn Khắc	Năng	3	Trắc địa BD và Thông tin địa lý	250,000	
141	Nguyễn Đức	Lộc	3	Trắc địa BD và Thông tin địa lý	250,000	
142	Phạm Văn	Hội	3	Sinh thái nông nghiệp	250,000	
143	Nguyễn Xuân	Xanh	3	Sinh thái nông nghiệp	250,000	
144	Dương Thị	Huyền	3	Sinh thái nông nghiệp	250,000	
145	Nguyễn Thu	Thùy	3	Sinh thái nông nghiệp	250,000	
146	Phan Thị	Thúy	3	Sinh thái nông nghiệp	250,000	
147	Phan Thị Hải	Luyến	3	Sinh thái nông nghiệp	250,000	
148	Nguyễn Tuyết	Lan	3	Sinh thái nông nghiệp	250,000	
149	Lý Thị Thu	Hà	3	Công nghệ môi trường	250,000	
150	Nguyễn Ngọc	Tú	3	Công nghệ môi trường	250,000	
151	Nguyễn Thị Thu	Hà	3	Công nghệ môi trường	250,000	
152	Võ Thị Ngọc	Bích	3	Nông hóa	250,000	
153	Nguyễn Văn	Hiền	3	Nông hóa	250,000	
154	Nguyễn Thị Lan	Anh	3	Nông hoá	250,000	
155	Nguyễn Văn	Thao	3	Nông hoá	250,000	
156	Đinh Thị Hải	Vân	3	Quản lý môi trường	250,000	
157	Nguyễn Thị Bích	Hà	3	Quản lý môi trường	250,000	
158	Nguyễn Thị Hồng	Ngọc	3	Quản lý môi trường	250,000	
159	Lê Minh	Lư	4	Cơ học kỹ thuật	250,000	
160	Nguyễn Xuân	Thiết	4	Cơ học kỹ thuật	250,000	
161	Nguyễn Chung	Thông	4	Cơ học kỹ thuật	250,000	
162	Ngô Thị	Tuyến	4	Điện kỹ thuật	250,000	
163	Nguyễn Văn	Linh	4	Điện kỹ thuật	250,000	
164	Bùi Quốc	Huy	4	Điện kỹ thuật	250,000	
165	Phạm Thanh	Cường	4	Công nghệ cơ khí	250,000	
166	Nguyễn Thị Thuý	Hằng	4	Công nghệ cơ khí	250,000	
167	Phạm Thị	Hằng	4	Công nghệ cơ khí	250,000	
168	Lê Văn	Bích	4	Máy nông nghiệp	250,000	
169	Đỗ Đình	Thi	4	Máy nông nghiệp	250,000	
170	Lê Văn	Dũng	4	Máy nông nghiệp	250,000	

STT	Họ đệm	Tên	Mã	Đơn vị	Số tiền (đồng)	Ký nhận
171	Lê Huy	Thương	4	TB bảo quản và CBNS	250,000	
172	Trần Như	Khánh	4	TB bảo quản và CBNS	250,000	
173	Nguyễn Thị	Duyên	4	Cung cấp và SD Điện	250,000	
174	Đỗ Hữu	Duật	4	Cung cấp và SD Điện	250,000	
175	Hoàng Phi	Hùng	4	Văn phòng	250,000	
176	Trần Thị Thuý	An	4	Văn phòng	250,000	
177	Bùi Thị Lan	Hương	4	Văn phòng	250,000	
178	Lê Bá	Chức	5	Kinh tế	250,000	
179	Trần Đức	Trí	5	Kinh tế	250,000	
180	Nguyễn Thị Thu	Quỳnh	5	Kinh tế	250,000	
181	Lương Thị	Dân	5	Kinh tế	250,000	
182	Thái Thị	Nhung	5	Kinh tế	250,000	
183	Nguyễn Thị Huyền	Châm	5	Kinh tế	250,000	
184	Đoàn Bích	Hạnh	5	Kinh tế	250,000	
185	Mai Lan	Phương	5	Phát triển nông thôn	250,000	
186	Quyền Đình	Hà	5	Phát triển nông thôn	250,000	
187	Đỗ Thị	Nhài	5	Phát triển nông thôn	250,000	
188	Trần Mạnh	Hải	5	Phát triển nông thôn	250,000	
189	Trần Thị Thu	Trang	5	Kinh tế Tài nguyên và MT	250,000	
190	Nguyễn Thị Ngọc	Thương	5	Kinh tế Tài nguyên và MT	250,000	
191	Lê Phương	Nam	5	Kinh tế Tài nguyên và MT	250,000	
192	Nguyễn Thị Thu	Huyền	5	Phân tích định lượng	250,000	
193	Hồ Ngọc	Ninh	5	Phân tích định lượng	250,000	
194	Dương Nam	Hà	5	Phân tích định lượng	250,000	
195	Giang	Hương	5	Phân tích định lượng	250,000	
196	Trần Thế	Cường	5	Phân tích định lượng	250,000	
197	Nguyễn Thị Huyền	Trang	5	Phân tích định lượng	250,000	
198	Lê Thị Thanh	Loan	5	Kinh tế nông nghiệp và CS	250,000	
199	Hà Thị Thanh	Mai	5	Kinh tế nông nghiệp và CS	250,000	
200	Phạm Bảo	Dương	5	Kinh tế nông nghiệp và CS	250,000	
201	Tô Thế	Nguyên	5	TT Thông tin - TH THKT-PT	250,000	
202	Nguyễn Doãn	Lâm	5	TT Thông tin - THTH KT- PT	250,000	
203	Phan Thị Thu	Phương	5	TT Thông tin - THTH KT- PT	250,000	
204	Lê Văn	Hùng	6	Nguyên lý của CN Mác - Lênin	250,000	
205	Lê Thị Kim	Thanh	6	Nguyên lý của CN Mác - Lênin	250,000	

STT	Họ đệm	Tên	Mã	Đơn vị	Số tiền (đồng)	Ký nhận
206	Nguyễn Thị Thanh	Minh	6	Nguyên lý của CN Mác - Lênin	250,000	
207	Nguyễn Thị Thanh	Hòa	6	Nguyên lý của CN Mác - Lênin	250,000	
208	Đỗ Thị	Hạnh	6	Nguyên lý của CN Mác - Lênin	250,000	
209	Dương Đức	Đại	6	Nguyên lý của CN Mác - Lênin	250,000	
210	Nguyễn Thị	Son	6	Nguyên lý của CN Mác - Lênin	250,000	
211	Tạ Quang	Giảng	6	Đường lối CM của ĐCSVN	250,000	
212	Vũ Hải	Hà	6	Đường lối CM của ĐCSVN	250,000	
213	Nguyễn Thị	Khanh	6	Tư tưởng Hồ Chí Minh	250,000	
214	Trần Thị	Mai	6	Tư tưởng Hồ Chí Minh	250,000	
215	Nguyễn Thị Minh	Hạnh	6	Pháp luật	250,000	
216	Lê Thị	Yến	6	Pháp luật	250,000	
217	Nguyễn Thị Lập	Thu	6	Xã hội học	250,000	
218	Trần Thanh	Hương	6	Xã hội học	250,000	
219	Trần Thuý	Lan	7	Tâm lý và Phương pháp giáo dục	250,000	
220	Nguyễn Thị Thanh	Hiền	7	Tâm lý và Phương pháp giáo dục	250,000	
221	Bùi Thị Hải	Yến	7	Tâm lý và Phương pháp giáo dục	250,000	
222	Nguyễn Thị Minh	Tâm	7	Lý thuyết Tiếng	250,000	
223	Phạm Thị Thanh	Xuân	7	Thực hành tiếng	250,000	
224	Nguyễn Thị Lan	Anh	7	Thực hành tiếng	250,000	
225	Nguyễn Nhị	Hương	7	Thực hành tiếng	250,000	
226	Lại Thị Ngọc	Hà	8	HS-CN sinh học thực phẩm	250,000	
227	Nguyễn Thị Lâm	Đoàn	8	HS-CN sinh học thực phẩm	250,000	
228	Nguyễn Xuân	Bắc	8	HS-CN sinh học thực phẩm	250,000	
229	Nguyễn Văn	Lâm	8	HS-CN sinh học thực phẩm	250,000	
230	Trần Thị	Định	8	Công nghệ chế biến	250,000	
231	Giang Trung	Khoa	8	Công nghệ chế biến	250,000	
232	Nguyễn Xuân	Bang	8	Công nghệ chế biến	250,000	
233	Nguyễn Thị Thanh	Hương	8	Công nghệ chế biến	250,000	
234	Vũ Quỳnh	Hương	8	Công nghệ chế biến	250,000	
235	Lê Văn	Tĩnh	8	Công nghệ Sau thu hoạch	250,000	
236	Nguyễn Mạnh	Khải	8	Công nghệ Sau thu hoạch	250,000	
237	Nguyễn Thị	Hồng	8	Công nghệ Sau thu hoạch	250,000	
238	Vũ Thị Kim	Oanh	8	Công nghệ Sau thu hoạch	250,000	
239	Nguyễn Thị Liên	Minh	8	Công nghệ Sau thu hoạch	250,000	
240	Nguyễn Trọng	Thắng	8	Công nghệ Sau thu hoạch	250,000	

STT	Họ đệm	Tên	Mã	Đơn vị	Số tiền (đồng)	Ký nhận
241	Trần Thị Lan	Hương	8	Thực phẩm và Dinh dưỡng	250,000	
242	Lê Minh	Nguyệt	8	Thực phẩm và Dinh dưỡng	250,000	
243	Ngô Xuân	Dũng	8	Thực phẩm và Dinh dưỡng	250,000	
244	Nguyễn Trường	Thành	8	Thực phẩm và Dinh dưỡng	250,000	
245	Đào	Thiện	8	Thực phẩm và Dinh dưỡng	250,000	
246	Nguyễn Thị Hồng	Chiên	9	Ký sinh trùng	250,000	
247	Nguyễn Văn	Phương	9	Ký sinh trùng	250,000	
248	Trần Hải	Thanh	9	Ký sinh trùng	250,000	
249	Nguyễn Văn	Minh	9	Nội - Chẩn - Dược lý	250,000	
250	Trần Thị	ánh	9	Nội - Chẩn - Dược lý	250,000	
251	Nguyễn Thị	Hằng	9	Nội - Chẩn - Dược lý	250,000	
252	Sử Thanh	Long	9	Ngoại sản	250,000	
253	Nguyễn Hoài	Nam	9	Ngoại sản	250,000	
254	Nguyễn Thị Mai	Thơ	9	Ngoại sản	250,000	
255	Đỗ Thị Kim	Lành	9	Ngoại sản	250,000	
256	Nguyễn Đức	Trường	9	Ngoại sản	250,000	
257	Nguyễn Công	Toàn	9	Ngoại sản	250,000	
258	Hoàng Minh	Son	9	Tổ chức - Giải phẫu - Phôi thai	250,000	
259	Nguyễn Thị Minh	Phương	9	Tổ chức - Giải phẫu - Phôi thai	250,000	
260	Nguyễn Văn	Điệp	9	Tổ chức - Giải phẫu - Phôi thai	250,000	
261	Trần Thị Hương	Giang	9	Vi sinh vật - Truyền nhiễm	250,000	
262	Võ Văn	Hiếu	9	Vi sinh vật - Truyền nhiễm	250,000	
263	Ngô Minh	Hà	9	Vi sinh vật - Truyền nhiễm	250,000	
264	Đặng Hữu	Anh	9	Vi sinh vật - Truyền nhiễm	250,000	
265	Lê Văn	Trường	9	Vi sinh vật - Truyền nhiễm	250,000	
266	Mai Thị	Ngân	9	Vi sinh vật - Truyền nhiễm	250,000	
267	Vũ Thị Thu	Trà	9	Thú y cộng đồng	250,000	
268	Đồng Văn	Hiếu	9	Thú y cộng đồng	250,000	
269	Hoàng Minh	Đức	9	Thú y cộng đồng	250,000	
270	Trần Minh	Hải	9	Bệnh lý thú y	250,000	
271	Hoàng Thị	Thịnh	9	Văn phòng	250,000	
272	Nguyễn Bá	Minh	9	Bệnh viện Thú y	250,000	
273	Đinh Phương	Nam	9	Bệnh viện Thú y	250,000	
274	Nguyễn Thị	Yến	9	Phòng Thí nghiệm TT	250,000	
275	Vũ Thị Thu	Giang	10	Toán học	250,000	

STT	Họ đệm	Tên	Mã	Đơn vị	Số tiền (đồng)	Ký nhận
276	Phạm Việt	Nga	10	Toán học	250,000	
277	Đào Thu	Huyền	10	Toán học	250,000	
278	Nguyễn Tiến	Hiển	10	Vật lý	250,000	
279	Lê Văn	Dũng	10	Vật lý	250,000	
280	Nguyễn Thị	Thanh	10	Vật lý	250,000	
281	Ngô Công	Thắng	10	Công nghệ phần mềm	250,000	
282	Phan Trọng	Tiến	10	Công nghệ phần mềm	250,000	
283	Đinh Xuân	Pháp	10	Công nghệ phần mềm	250,000	
284	Trần Trung	Hiếu	10	Công nghệ phần mềm	250,000	
285	Nguyễn Doãn	Đông	10	Công nghệ phần mềm	250,000	
286	Ngô Tuấn	Anh	10	Khoa học máy tính	250,000	
287	Phạm Quang	Dũng	10	Khoa học máy tính	250,000	
288	Trần Huy	Thắng	10	Khoa học máy tính	250,000	
289	Vũ Thị	Lưu	10	Khoa học máy tính	250,000	
290	Nguyễn Đức	Thịnh	10	Khoa học máy tính	250,000	
291	Dương Thị Hồng	Vân	10	Toán - Tin ứng dụng	250,000	
292	Nguyễn Trọng	Kương	10	Toán - Tin ứng dụng	250,000	
293	Nguyễn Thị	Lan	10	Toán - Tin ứng dụng	250,000	
294	Dương Huy	Thanh	10	TT Tính toán và Tích hợp dữ liệu	250,000	
295	Hà Thị Phương	Mai	10	TT Tính toán và Tích hợp dữ liệu	250,000	
296	Lê Thị Minh	Châu	11	Kế toán tài chính	250,000	
297	Trần Nguyễn Thị	Yến	11	Kế toán tài chính	250,000	
298	Trần Minh	Huệ	11	Kế toán tài chính	250,000	
299	Nguyễn Đăng	Học	11	Kế toán tài chính	250,000	
300	Lê Thị Thanh	Hảo	11	Tài chính	250,000	
301	Trần Trọng	Nam	11	Tài chính	250,000	
302	Dương Thị	Hoa	11	Marketing	250,000	
303	Nguyễn Thị Trang	Nhung	11	Marketing	250,000	
304	Bùi Hồng	Quý	11	Marketing	250,000	
305	Đỗ Thị Mỹ	Hạnh	11	Marketing	250,000	
306	Bùi Kim	Anh	11	Quản trị kinh doanh	250,000	
307	Nguyễn Hải	Núi	11	Quản trị kinh doanh	250,000	
308	Đồng Đạo	Dũng	11	Quản trị kinh doanh	250,000	
309	Lê Thị Thu	Hương	11	Quản trị kinh doanh	250,000	
310	Đào Hồng	Vân	11	Quản trị kinh doanh	250,000	

STT	Họ đệm	Tên	Mã	Đơn vị	Số tiền (đồng)	Ký nhận
311	Nguyễn Ngọc	Mai	11	Quản trị kinh doanh	250,000	
312	Trần Thị Thanh	Huyền	11	Quản trị kinh doanh	250,000	
313	Lại Phương	Thảo	11	Kế toán quản trị và Kiểm toán	250,000	
314	Nguyễn Thị Thu	Trang	11	Văn phòng	250,000	
315	Đỗ Kim	Yến	11	Văn phòng	250,000	
316	Lê Thị	Minh	12	SH phân tử và CNSH ứng dụng	250,000	
317	Nguyễn Đức	Bách	12	SH phân tử và CNSH ứng dụng	250,000	
318	Phan Thị	Hiền	12	SH phân tử và CNSH ứng dụng	250,000	
319	Nguyễn Thanh	Hải	12	Công nghệ sinh học thực vật	250,000	
320	Phạm Thị Thu	Hằng	12	Công nghệ sinh học thực vật	250,000	
321	Nguyễn Hữu	Đức	12	Công nghệ sinh học động vật	250,000	
322	Phạm Thu	Giang	12	Công nghệ sinh học động vật	250,000	
323	Nguyễn Thị Bích	Lưu	12	Công nghệ vi sinh	250,000	
324	Đặng Xuân	Nghiêm	12	Công nghệ vi sinh	250,000	
325	Vũ Thị	Ly	12	Văn phòng	250,000	
326	Trần Thị Thanh	Phương	13	KHCN và HTQT	250,000	
327	Trần Văn	Hùng	13	KHCN và HTQT	250,000	
328	Nguyễn Thị Tuyết	Dung	13	KHCN và HTQT	250,000	
329	Nguyễn Thị	Minh	13	KHCN và HTQT	250,000	
330	Phạm Đức	Ngà	13	KHCN và HTQT	250,000	
331	Vũ Thị	Bình	13	KHCN và HTQT	250,000	
332	Nguyễn Thị Phương	Lan	13	KHCN và HTQT	250,000	
333	Trần Duy	Tùng	13	KHCN và HTQT	250,000	
334	Dương Thị Minh	Phượng	13	KHCT và HTQT	250,000	
335	Phạm Thị	Thúy	14	Tài chính - Kế toán	250,000	
336	Phạm Thị	Hiền	14	Tài chính - Kế toán	250,000	
337	Vũ Đình	Tâm	14	Tài chính - Kế toán	250,000	
338	Trần Thị Thu	Trang	14	Tài chính - Kế toán	250,000	
339	Nguyễn Thị Thuý	Dung	14	Tài chính - Kế toán	250,000	
340	Cao Đức	Thành	14	Tài chính - Kế toán	250,000	
341	Vũ Thị	Trang	14	Tài chính - Kế toán	250,000	
342	Nguyễn Thị	Lười	15	TCCB	250,000	
343	Ngô Thị Minh	Nguyệt	15	TCCB	250,000	
344	Hoàng Văn	Sỹ	16	Đào tạo đại học	250,000	
345	Dương Thị	Thường	16	Đào tạo đại học	250,000	

STT	Họ đệm	Tên	Mã	Đơn vị	Số tiền (đồng)	Ký nhận
346	Lê Hoàng	Yến	16	Đào tạo đại học	250,000	
347	Nguyễn Khánh	Thọ	16	Đào tạo đại học	250,000	
348	Nguyễn Thị	Lương	16	Đào tạo đại học	250,000	
349	Nguyễn Anh	Tuấn	16	Đào tạo đại học	250,000	
350	Trần Tất	Nhật	18	VT-HC	250,000	
351	Bùi Duy	Sơn	18	VT-HC	250,000	
352	Trần Hồng	Nhật	18	VT-HC	250,000	
353	Trần	Hanh	18	VT-HC	250,000	
354	Trương Thị	Thắng	18	VT-HC	250,000	
355	Nguyễn Công	Tiếp	18	VT-HC	250,000	
356	Trần Văn	Hải	18	Đội xe	250,000	
357	Bùi Trung	Lương	18	Đội xe	250,000	
358	Hoàng Ngọc	Lâm	18	Đội xe	250,000	
359	Dương Ngọc	Anh	18	Đội xe	250,000	
360	Nguyễn Xuân	Bình	18	Đội xe	250,000	
361	Nguyễn Di	Tuấn	18	Đội xe	250,000	
362	Bùi Đăng	Lưu	18	Đội xe	250,000	
363	Lê Thị	Vân	19	Văn phòng	250,000	
364	Nguyễn Tô	Vũ	19	Văn phòng	250,000	
365	Ngô Đăng	Truyền	19	Văn phòng	250,000	
366	Hồ Hồng	Thái	19	Văn phòng	250,000	
367	Đào Xuân	ánh	19	Văn phòng	250,000	
368	Phạm Thị	Thanh	19	Văn phòng	250,000	
369	Phạm Thị	Thư	19	Văn phòng	250,000	
370	Phan Văn	Điệp	19	Điện nước	250,000	
371	Nguyễn Thanh	Hải	19	Điện nước	250,000	
372	Hồ Bắc	Sơn	19	Điện nước	250,000	
373	Nguyễn Văn	Thách	19	Điện nước	250,000	
374	Nguyễn Đức	Quang	19	Điện nước	250,000	
375	Nguyễn Văn	Mạnh	19	Điện nước	250,000	
376	Nguyễn Thế	Toàn	19	Điện nước	250,000	
377	Trịnh Việt	ánh	19	Điện nước	250,000	
378	Cao Hùng	Dũng	20	Giáo dục thể chất	250,000	
379	Hoàng Văn	Hưng	20	Giáo dục thể chất	250,000	
380	Lê Thị Kim	Lan	20	Giáo dục thể chất	250,000	

STT	Họ đệm	Tên	Mã	Đơn vị	Số tiền (đồng)	Ký nhận
381	Nguyễn Văn	Quảng	20	Giáo dục thể chất	250,000	
382	Nguyễn Văn	Toàn	20	Giáo dục thể chất	250,000	
383	Đào Quang	Trung	20	Giáo dục thể chất	250,000	
384	Lương Thanh	Hoa	20	Giáo dục thể chất	250,000	
385	Nguyễn Thế	Hãnh	20	Giáo dục thể chất	250,000	
386	Phan Thị	Điều	20	Giáo dục thể chất	250,000	
387	Nguyễn Hồng	Lạng	20	TT Thể thao - Văn hoá	250,000	
388	Nguyễn Thị	Xá	20	TT Thể thao - Văn hoá	250,000	
389	Bùi Thị	Dung	20	TT Thể thao - Văn hoá	250,000	
390	Lê Trường	Sinh	20	TT Thể thao - Văn hoá	250,000	
391	Chu Tuấn	Quyết	21	Phòng CTCT và CTSV	250,000	
392	Nguyễn Năng	Bình	21	Phòng CTCT và CTSV	250,000	
393	Nguyễn Thị Tuyết	Sơn	21	Phòng CTCT và CTSV	250,000	
394	Nguyễn Thu	Hằng	21	Phòng CTCT và CTSV	250,000	
395	Hoàng Thị	Hương	21	Phòng CTCT và CTSV	250,000	
396	Vũ Đức	Bình	21	Phòng CTCT và CTSV	250,000	
397	Nguyễn Phương	Liên	21	Phòng CTCT và CTSV	250,000	
398	Trần Thị	Chi	21	Phòng CTCT và CTSV	250,000	
399	Nguyễn Việt	Duy	22	TT Thông tin - Thư viện	250,000	
400	Bùi Thị	Hương	22	TT Thông tin - Thư viện	250,000	
401	Lê Thị Kim	Phương	22	TT Thông tin - Thư viện	250,000	
402	Phạm Thị Hồng	Nhung	22	TT Thông tin - Thư viện	250,000	
403	Trần Thị Thu	Huyền	22	TT Thông tin - Thư viện	250,000	
404	Vũ Thị Hồng	Lan	22	TT Thông tin - Thư viện	250,000	
405	Trần Thị	Nga	22	TT Thông tin - Thư viện	250,000	
406	Mai Thị	Hiền	22	TT Thông tin - Thư viện	250,000	
407	Lã Thị Thanh	Nga	22	TT Thông tin - Thư viện	250,000	
408	Nguyễn Thị Phương	Lan	22	TT Thông tin - Thư viện	250,000	
409	Nguyễn Thị Thanh	Bình	22	TT Thông tin - Thư viện	250,000	
410	Nguyễn Văn	Hải	22	TT Thông tin - Thư viện	250,000	
411	Phạm Thị	Luyến	22	TT Thông tin - Thư viện	250,000	
412	Lê Hồng	Giang	22	TT Thông tin - Thư viện	250,000	
413	Lê Thị	Huệ	22	TT Thông tin - Thư viện	250,000	
414	Nguyễn Văn	Thế	23	Kỹ thuật	250,000	
415	Nguyễn Hữu	Phong	23	Kỹ thuật	250,000	

STT	Họ đệm	Tên	Mã	Đơn vị	Số tiền (đồng)	Ký nhận
416	Nguyễn Đức	Cung	23	Kỹ thuật	250,000	
417	Nguyễn Văn	Cảnh	23	Kỹ thuật	250,000	
418	Mai Xuân	Hùng	23	Kỹ thuật	250,000	
419	Đỗ Minh	Hải	23	Đường lối quân sự	250,000	
420	Nguyễn Văn	Lương	23	Đường lối quân sự	250,000	
421	Nguyễn Văn	Chung	23	Đường lối quân sự	250,000	
422	Nguyễn Văn	Thiện	23	Đường lối quân sự	250,000	
423	Lê Đình	Thọ	23	Đường lối quân sự	250,000	
424	Trần Văn	Quốc	23	Chiến thuật	250,000	
425	Nguyễn Thái	Quý	23	Chiến thuật	250,000	
426	Ngô Quang	Thắng	23	Chiến thuật	250,000	
427	Lâm Quang	Đoan	23	Chiến thuật	250,000	
428	Hoàng Văn	Báu	23	Giáo dục quốc phòng	250,000	
429	Nguyễn Bình	Trung	24	Phòng Khảo thí và ĐBCL	250,000	
430	Nguyễn Thị	Thu	24	Phòng Khảo thí và ĐBCL	250,000	
431	Trịnh Đăng	Lạc	25	Bảo vệ	250,000	
432	Nguyễn Doãn	Quỳnh	25	Bảo vệ	250,000	
433	Nguyễn Huy	Biêm	25	Bảo vệ	250,000	
434	Nguyễn Văn	Mui	25	Bảo vệ	250,000	
435	Bùi Nho	Doãn	25	Bảo vệ	250,000	
436	Phạm Văn	Tuyển	25	Bảo vệ	250,000	
437	Lưu Quang	Hồng	25	Bảo vệ	250,000	
438	Lê Văn	Thành	25	Bảo vệ	250,000	
439	Nguyễn Văn	Duy	25	Bảo vệ	250,000	
440	Lê Văn	Bích	25	Bảo vệ	250,000	
441	Nguyễn Viết	Thến	25	Bảo vệ	250,000	
442	Đặng Quang	ứng	25	Bảo vệ	250,000	
443	Bùi Văn	Đức	25	Bảo vệ	250,000	
444	Phùng Minh	Đức	25	Bảo vệ	250,000	
445	Lê Đức	Toàn	25	Bảo vệ	250,000	
446	Đoàn Bảo	Trúc	25	Bảo vệ	250,000	
447	Nguyễn Đức	Bằng	25	Bảo vệ	250,000	
448	Võ Văn	Ngà	25	Bảo vệ	250,000	
449	Vũ Chung	Kiên	25	Bảo vệ	250,000	
450	Hoàng Văn	Việt	25	Bảo vệ	250,000	

STT	Họ đệm	Tên	Mã	Đơn vị	Số tiền (đồng)	Ký nhận
451	Đặng Bá	Trung	25	Bảo vệ	250,000	
452	Nguyễn Quang	Tĩnh	25	Bảo vệ	250,000	
453	Trần Văn	Vũ	26	Nhà xuất bản ĐH Nông nghiệp	250,000	
454	Nguyễn Thị Kim	Minh	26	Nhà xuất bản ĐH Nông nghiệp	250,000	
455	Nguyễn Văn	Hành	26	Nhà xuất bản ĐH Nông nghiệp	250,000	
456	Vũ Đình	Hiền	26	Nhà xuất bản ĐH Nông nghiệp	250,000	
457	Nguyễn Ngọc	ánh	26	Nhà xuất bản ĐH Nông nghiệp	250,000	
458	Lưu Thị	Hải	26	Nhà xuất bản ĐH Nông nghiệp	250,000	
459	Phạm Ngọc	Minh	26	Nhà xuất bản ĐH Nông nghiệp	250,000	
460	Nguyễn Thị	Bình	26	Nhà xuất bản ĐH Nông nghiệp	250,000	
461	Lê Thị Nhị	Hà	27	Trạm Y tế	250,000	
462	Nguyễn Văn	Đoàn	27	Trạm Y tế	250,000	
463	Vũ Văn	Cường	27	Trạm Y tế	250,000	
464	Trần Thị Yên	Thái	27	Trạm Y tế	250,000	
465	Nguyễn Thị Như	Hoa	27	Trạm Y tế	250,000	
466	Bùi Văn	Dĩnh	27	Trạm Y tế	250,000	
467	Nguyễn Thị	Ngọt	27	Trạm Y tế	250,000	
468	Lương Thị	Yên	27	Trạm Y tế	250,000	
469	Hoàng Thị	Liễu	27	Trạm Y tế	250,000	
470	Nguyễn Quốc	Oánh	28	CT Tư vấn và DVKHNN I	250,000	
471	Đỗ Văn	Đại	29	TT Thực nghiệm và ĐT nghề	250,000	
472	Cao Văn	Tấn	29	TT Thực nghiệm và ĐT nghề	250,000	
473	Nguyễn Thị	My	29	TT Thực nghiệm và ĐT nghề	250,000	
474	Nguyễn Ngọc	Son	29	TT Thực nghiệm và ĐT nghề	250,000	
475	Nguyễn Quốc	Trọng	29	TT Thực nghiệm và ĐT nghề	250,000	
476	Nguyễn Đăng	Thắng	29	TT Thực nghiệm và ĐT nghề	250,000	
477	Nguyễn Đình	Văn	29	TT Thực nghiệm và ĐT nghề	250,000	
478	Ngô Quốc	Vương	29	TT Thực nghiệm và ĐT nghề	250,000	
479	Phạm Chí	Chung	29	TT Thực nghiệm và ĐT nghề	250,000	
480	Nguyễn Đình	Thị	29	TT Thực nghiệm và ĐT nghề	250,000	
481	Lê Trường	Giang	30	KTX Sinh viên	250,000	
482	Nguyễn Thị	Châu	30	KTX Sinh viên	250,000	
483	Nguyễn Văn	Năm	30	KTX Sinh viên	250,000	
484	Bùi Trung	Son	30	KTX Sinh viên	250,000	
485	Nguyễn Đỗ	Thảo	30	KTX Sinh viên	250,000	

STT	Họ đệm	Tên	Mã	Đơn vị	Số tiền (đồng)	Ký nhận
486	Bùi Văn	Gấm	30	KTX Sinh viên	250,000	
487	Nguyễn Thị Việt	Anh	30	KTX Sinh viên	250,000	
488	Lê Văn	Ninh	30	KTX Sinh viên	250,000	
489	Hoàng Thị	Tuyết	30	KTX Sinh viên	250,000	
490	Lê Thị Bích	Liên	30	KTX Sinh viên	250,000	
491	Nguyễn Văn	Thiện	30	KTX Sinh viên	250,000	
492	Nguyễn Văn	Hải	30	KTX Sinh viên	250,000	
493	Nguyễn Thị	Nghi	30	KTX Sinh viên	250,000	
494	Vũ Thị	Chung	30	KTX Sinh viên	250,000	
495	Nguyễn Anh	Tuấn	30	KTX Sinh viên	250,000	
496	Nguyễn Mạnh	Thước	30	KTX Sinh viên	250,000	
497	Lê Thị	Xuân	30	KTX Sinh viên	250,000	
498	Lưu Thị	Náy	30	Giảng đường	250,000	
499	Lê Văn	Nhường	30	Giảng đường	250,000	
500	Nguyễn Hồng	Thúy	30	Giảng đường	250,000	
501	Trần Thị	Vân	30	Giảng đường	250,000	
502	Nguyễn Quốc	Hoàng	30	Giảng đường	250,000	
503	Đỗ Thị	Hương	30	Giảng đường	250,000	
504	Dương Thị	Tiến	30	Giảng đường	250,000	
505	Trần Thị Ngọc	Hà	30	Giảng đường	250,000	
506	Chu Thị Thanh	Hải	30	Giảng đường	250,000	
507	Vũ Hải	Anh	30	Giảng đường	250,000	
508	Dương Thị	Ngát	30	Giảng đường	250,000	
509	Hoàng Tiến	Nhật	30	Môi trường	250,000	
510	Nguyễn Đắc	Minh	30	Môi trường	250,000	
511	Trần Thế	Hùng	30	Môi trường	250,000	
512	Đặng Văn	Đỉnh	30	Môi trường	250,000	
513	Trần Thị Khánh	Vân	30	Môi trường	250,000	
514	Nguyễn Thị	Hoa	30	Giảng đường	250,000	
515	Nguyễn Thị	Minh	30	Giảng đường	250,000	
516	Nguyễn Thị	Thanh	30	Giảng đường	250,000	
517	Vũ Thị	Hoa	30	Giảng đường	250,000	
518	Lê Thị	Bình	30	Giảng đường	250,000	
519	Lã Thị	Xuân	30	Giảng đường	250,000	
520	Đỗ Thị	Xuân	30	Giảng đường	250,000	

STT	Họ đệm	Tên	Mã	Đơn vị	Số tiền (đồng)	Ký nhận
521	Đào Thị	Báu	36	Viện NC lúa	250,000	
522	Bùi Thị	Dinh	39	Trung tâm Ngoại ngữ ĐHNN	250,000	
523	Vũ Thị	Hương	39	Trung tâm Ngoại ngữ ĐHNN	250,000	
524	Nguyễn Thị	Hiên	39	Trung tâm Ngoại ngữ ĐHNN	250,000	
525	Lê Đức	Tuân	39	Trung tâm Ngoại ngữ ĐHNN	250,000	
526	Đỗ Hữu	Quyết	40	Viện PT Công nghệ Cơ - Điện	250,000	
527	Nguyễn Thị	Huệ	40	Viện PT Công nghệ Cơ - Điện	250,000	
528	Vũ Công	Cảnh	40	Viện PT Công nghệ Cơ - Điện	250,000	
529	Vũ Thị	Dân	41	Viện Đào tạo Sau đại học	250,000	
530	Nguyễn Văn	Phơ	41	Viện Đào tạo Sau đại học	250,000	
531	Nguyễn Thị Thu	Hà	41	Viện Đào tạo Sau đại học	250,000	
532	Trần Thị Thu	Phương	41	Viện Đào tạo Sau đại học	250,000	
533	Nguyễn Phục	Hưng	41	Viện Đào tạo Sau đại học	250,000	
534	Đinh Hải	Chung	41	Viện Đào tạo Sau đại học	250,000	
535	Bùi Đạo	Tĩnh	91	TT Hướng nghiệp và TVVL	250,000	
Cộng					133,750,000	

Bằng chữ: Một trăm ba mươi ba triệu bảy trăm năm mươi ngàn đồng./.

Danh sách này có 535 cán bộ, viên chức